

Bản án số: 95/2022/DS-ST

Ngày: 04-10-2022

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Võ Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long - tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 107/2022/TLST-DS, ngày 05/7/2022, về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 366/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1985 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 69/14E khóm H, phường B, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 27 đường P, phường B, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 119B khóm B, phường C, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2022 của ông Huỳnh Minh P và các lời trình bày tiếp theo của ông Q là người đại diện ủy quyền của ông P trình bày:

Do mối quan hệ bạn bè, ông B cần tiền để kinh doanh nên ông P có cho ông B vay tiền nhiều lần: Lần 1, ngày 14/01/2021 ông B vay 50.000.000đ thời hạn vay ba tháng; lần 2 ngày 05/02/2021 ông B vay 100.000.000đ thời hạn vay ba tháng; lần 3 ngày 17/5/2021 ông B vay 30.000.000đ thời hạn vay ba tháng. Tổng cộng ông P cho ông B vay 180.000.000đ, thời hạn vay ba tháng, lãi suất thỏa thuận 20%/năm nhưng không ghi vào biên nhận mà chỉ thỏa thuận miệng giữa hai bên. Các lần vay tiền trên, ông B đều viết biên nhận giao ông P giữ, chữ viết và chữ ký trong các biên nhận là của ông B tự viết và ký. Các khoản vay của ông B không có thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay cho ông P.

Đến thời hạn trả nợ ông B không trả nợ gốc và lãi nên ông P khởi kiện yêu cầu ông B trả vốn lãi như sau:

Lần 1 ngày 14/01/2021 nợ gốc 50.000.000đ: Tính từ ngày 14/01/2021 đến ngày 15/4/2021 là $50.000.000đ \times 3th \times 1.66\% = 2.490.000đ$. Tạm tính từ ngày 15/4/2021 đến ngày 16/6/2022 là $50.000.000đ \times 14th \times 2.5\% = 17.500.000đ$;

Lần 2 ngày 05/02/2021 nợ gốc 100.000.000đ: Tính từ ngày 05/02/2021 đến ngày 06/5/2021 là $100.000.000đ \times 3th \times 1.66\% = 4.980.000đ$. Tạm tính từ ngày 07/5/2021 đến ngày 07/6/2022 là $100.000.000 \times 13th \times 2.5\% = 32.500.000đ$;

Lần 3 ngày 17/5/2021 nợ gốc 30.000.000đ: Tính từ ngày 17/5/2021 đến ngày 18/8/2021 là $30.000.000đ \times 3th \times 1.66\% = 1.494.000đ$. Tạm tính từ ngày 19/8/2021 đến ngày 19/5/2022 là $30.000.000 \times 9th \times 2.5\% = 6.750.000đ$.

Như vậy, tổng tiền lãi của ba khoản vay là 65.714.000đ. Ông P yêu cầu ông B phải trả vốn lãi là $180.000.000đ + 65.714.000đ = 245.714.000đ$. Ông P yêu cầu ông B trả toàn bộ vốn lãi tiền vay và không yêu cầu ai liên đới trách nhiệm với ông B.

Tại tòa, ông Q trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đòi ông B phải trả vốn vay 180.000.000đ và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi vay. Ông Q yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày ông B vi phạm các khoản vay theo mức lãi 10%/năm và tự nguyện tính tròn thời gian tính lãi khoản vay 50.000.000đ là 17 tháng, khoản vay 100.000.000đ là 16 tháng và khoản vay 30.000.000đ là 13 tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ông B cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng

về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và tuân thủ đúng các bước thu thập chứng cứ, đảm bảo về thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho ông Huỳnh Minh P số tiền gốc và lãi là 203.572.000 đồng.

Án phí: Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.178.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông Huỳnh Minh P và bị đơn ông Nguyễn Văn B được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Biên nhận ngày 05/02/2021 ông Nguyễn Văn B cư trú số 119B, khóm B, phường C, thành phố Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn B hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông B cũng không có văn bản nêu ý kiến và không giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu và chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để giải quyết theo thủ tục chung, ông B phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 96 và 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, các biên nhận vay ngày 14/01/2021, ngày 05/02/2021, ngày 17/5/2021 có nội dung thể hiện ông Nguyễn Văn B vay của ông P các khoản tiền 50.000.000đ, 100.000.000đ và 30.000.000đ, có thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất vay. Đến hạn thanh toán theo thỏa thuận nhưng ông B không trả nợ, do đó ông P khởi kiện đòi ông B yêu cầu có nghĩa vụ thanh toán các khoản vay trên là có căn cứ

chấp nhận theo quy định tại Điều 351 và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Buộc B phải trả khoản tiền vốn vay còn nợ ông P là 180.000.000đ.

Theo ông Q đại diện nguyên đơn trình bày tuy biên nhận vay không ghi lãi suất vay nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay 20%/năm, sau khi vay ông B chưa đóng khoản tiền lãi nào. Tại tòa, ông Q thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất vay và thời gian yêu cầu trả lãi vay, chỉ yêu cầu ông B trả lãi vay 0.83%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ của từng khoản vay như sau:

- Khoản tiền vay 50.000.000đ ngày 14/01/2021, kỳ hạn 03 tháng, đến hạn thanh toán ngày 15/4/2021. Tiền lãi phải trả đến ngày 04/10/2022 là 17 tháng 19 ngày nhưng tự nguyện tính tròn 17 tháng: $50.000.000đ \times 17 \text{ tháng} \times 0.83\% = 7.055.000đ$;

- Khoản tiền vay 100.000.000đ ngày 05/02/2021, kỳ hạn 03 tháng, đến hạn thanh toán ngày 06/5/2021. Tiền lãi phải trả đến ngày 04/10/2022 là 16 tháng 28 ngày nhưng tự nguyện tính tròn 16 tháng: $100.000.000đ \times 16 \text{ tháng} \times 0.83\% = 13.280.000đ$;

- Khoản tiền vay 30.000.000đ ngày 17/5/2021, kỳ hạn 03 tháng, đến hạn thanh toán ngày 18/8/2021. Tiền lãi phải trả đến ngày 04/10/2022 là 13 tháng 16 ngày nhưng tự nguyện tính tròn: $30.000.000đ \times 13 \text{ tháng} \times 0.83\% = 3.237.000đ$.

Tổng cộng ông B phải thanh toán tiền vốn và lãi cho ông P: $180.000.000đ + 23.572.000đ = 203.572.000đ$.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông Huỳnh Minh P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh P. Buộc ông Nguyễn Văn B phải hoàn trả cho ông P số tiền vốn vay 180.000.000đ và tiền lãi 23.572.000đ, tổng cộng 203.572.000đ (Hai trăm lẻ ba triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 10.178.600 đồng (Mười triệu một trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Minh P số tiền tạm ứng án phí 6.142.000đ đã nộp ngày 17/6/2022 theo biên lai thu số 0001298 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Chi cục Thi hành án TPVL;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung